

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2025.

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hồng Điệp và bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn TrThV, xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Phạm Trung**, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn TrThV, xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Hiện đã bị tạm giam theo Lệnh tạm giam số: 05 ngày 16/01/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BN và đã bị Tòa án nhân dân thành phố BN xét xử vào ngày 21/3/2025. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Trung A sau thời gian tìm hiểu một năm thì tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TrKh (nay là Ủy ban nhân dân xã YK), huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tập trung kinh tế,

không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau, đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nên không thể tiếp tục kéo dài tình trạng này. Năm 2019, anh Phạm Trung A bị Tòa án nhân dân huyện GiL, tỉnh Hải Dương xét xử về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tháng 09/2020, anh Trung A ra tù nhưng do không có công việc ổn định nên anh lại phạm tội. Tháng 01/2025, anh Trung A có hành vi Trộm cắp tài sản và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BN. Do bận công việc nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa. Nay, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Phạm Trung A vì cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã hết, để hai bên ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai, anh Phạm Trung A trình bày: Về điều kiện kết hôn, về cuộc sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, việc anh bị đưa ra xét xử và đã từng bị Tòa án kết án như nội dung chị L đã trình bày. Tháng 01/2025, anh có hành vi Trộm cắp tài sản và đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh BN. Ngày 21/3/2025, anh bị Tòa án nhân dân thành phố BN đưa ra xét xử về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Anh đã được nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng do Tòa án giao, anh hoàn toàn nhất trí. Hiện, anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BN, sẽ phải đi chấp hành án một thời gian nhất định nên không thể trực tiếp nhận các văn bản tố tụng khác của Tòa án, không thể có mặt tại Tòa án để làm việc được nên đề nghị cho mẹ anh là bà Đàm Thị D được nhận thay anh tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, mẹ anh sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho anh đầy đủ các văn bản này. Đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, tại phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa. Nay, chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, anh nhận thấy cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, tình cảm giữa anh chị đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh Trung A đều trình bày, anh chị có 01 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày: 28/02/2019 đang được chị L nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Trung A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang lao động tự do, ai thuê việc gì thì làm việc đó, thu nhập trung bình của chị được khoảng 6 đến 7 triệu đồng/tháng và đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của anh chị về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị L và anh Trung A đều trình bày anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bà Đàm Thị D là mẹ đẻ của anh Trung A trình bày, về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung cũng như việc anh Trung A bị đưa ra xét xử như nội dung chị L và anh Trung A đã trình bày. Bà đề nghị Tòa án giao trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho anh Trung A đầy đủ. Về quan hệ vợ chồng và

con chung của anh chị, bà đề nghị Tòa án giải quyết anh chị ly hôn và giao con chung của anh chị cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh tại Công an xã YK thể hiện: Chị Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TrThV, xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung A đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, giải quyết về con chung với anh Trung A. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác. Anh Trung A đồng ý ly hôn với chị L và đề nghị Tòa án giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh nhất trí.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Trung A. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Anh K, sinh ngày: 28/02/2019 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 05/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Phạm Trung A cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Trung A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày hôm nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trung A và bà D đều đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa cho bà D nhận thay và có trách nhiệm giao, thông báo lại cho anh Trung A. Tuy nhiên, Tòa án không tổng đạt cho bà D được nên đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị L và anh Trung A đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh Trung A theo quy định tại Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung A được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TrKh (*nay là Ủy ban nhân dân xã YK*), huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/11/2018 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị không có tiếng nói chung, không tập trung kinh tế, không thông cảm, chia sẻ được với nhau, không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân. Chị L xin ly hôn, anh Trung A đồng ý, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị L và anh Trung A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L xin ly hôn với anh Trung A, anh Trung A đồng ý nên cho chị L được ly hôn với anh Trung A là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: anh chị có 01 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày: 28/02/2019 đang được chị L nuôi dưỡng và anh chị đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Trung A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị L có công việc, thu nhập trung bình khoảng 6 đến 7 triệu đồng/tháng, anh chị đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của anh chị về con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị đều có nguyện vọng giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chị L tự nguyện không yêu cầu anh Trung A cấp dưỡng nuôi con, anh Trung A đang chấp hành án, chị L lại có công việc và thu nhập đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt nên chấp nhận nguyện vọng của anh chị về con chung, giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chị L tự nguyện không yêu cầu anh Trung A phải cấp dưỡng nuôi con cho chị là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung A đều trình bày anh chị không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Phạm Trung A nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Trung A.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao con chung Phạm Anh K, sinh ngày: 28/02/2019 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 05/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu anh Phạm Trung A cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Trung A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24 số: 0000661 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GiL. Chị Nguyễn Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung A. Chị L và anh Trung A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GiL;
- Chi cục THADS huyện GiL;
- Các đương sự;
- UBND xã YK, huyện GiL;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh